TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/DS-ST
Ngày: 12 - 4 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nam Long và ông Nguyễn Hữu Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐST-DS, ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần T3; địa chỉ: Số D, phố V, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Tử H – Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Khánh V; địa chỉ: Công ty L, số H T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê T; sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt không có lý do.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Văn T1, sinh năm 1993; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ cuối cùng tại Hàn Quốc: Đường D - 1 S, đường 30beon, thị trấn G, quận N, thành phố P, tỉnh Gyeongsangbuk, Hàn Quốc; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2022, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn Công ty cổ phần T3 trình bày:

Vào ngày 21/12/2021, Công ty Cổ phần T3 (sau đây gọi tắt là Công ty T3) cùng với ông Lê T và anh Lê Văn T1 đã giao kết Hợp đồng bảo lãnh số: 0194/2021/HĐBL. Trong đó ông Lê T là bên bảo lãnh (Bên A), bên nhận bảo lãnh làCcông ty T4 (Bên C), bên được bảo lãnh là anh Lê Văn T1 (Bên B). Cùng ngày 21/12/2021, Công ty T3 cũng giao kết với anh Lê Văn T1 Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 0194/2021/HĐTV-TRAENCO. Thực hiện các hợp đồng trên, ngày 30/12/2021, Công ty T3 đã tổ chức cho anh Lê Văn T1 xuất cảnh sang Hàn Quốc để làm việc theo các nội dung như đã thỏa thuận tại các hợp đồng. Tuy nhiên, sau một thời gian nhập cảnh và làm việc tại Hàn Quốc, ngày 21/04/2022, anh Lê Văn T1 đã tự ý rời khỏi khỏi nơi làm việc. Sau đó, với trách nhiệm của mình thì Công ty T3 đã ba lần gửi thông báo cho ông Lê T (là người bảo lãnh theo hợp đồng bảo lãnh của anh Lê Văn T1) về việc vi phạm hợp đồng khi bỏ trốn khỏi nơi làm việc của anh T1. Thông báo lần đầu của Công ty T3 gửi cho ông Lê T là vào ngày 02/06/2022, thông báo lần thứ hai gửi vào ngày 08/06/2022 và lần thứ ba vào ngày 15/06/2022. Tuy nhiên đến nay Công ty vẫn không nhận được bất cứ sự phản hồi và hợp tác nào từ phía ông T về việc thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh như thỏa thuận tại các hợp đồng bảo lãnh đã giao kết trên. Đồng thời, Công ty T3 cũng yêu cầu gia đình, người bảo lãnh liên lạc, động viên anh Lê Văn T1 quay trở lại nơi làm việc nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả.

Theo nội dung thỏa thuận tại Điều 1, Hợp đồng bảo lãnh số: 0194/2021/HĐBL ngày 21/12/2021 thì ông Lê T (Bên A) đã cam kết với Công ty T3 (Bên C) về việc sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho anh Lê Văn T1 (Bên B) trong trường hợp anh Lê Văn T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cam kết các nội dung hợp đồng đối với Công ty T3 mà hai bên đã giao kết. Đối với phạm vi bảo lãnh của hợp đồng bảo lãnh này, thì phía bị đơn ông Lê T sẽ có nghĩa vụ bảo lãnh đối với các nghĩa vụ tài chính giữa anh Lê Văn T1 đối với Công ty T3 phát sinh từ Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 0194/2021/HĐTV-TRAENCO, với mục đích để đưa anh Lê Văn T1 đi lao động theo chương trình thuyền viên tại Hàn Quốc. Cụ thể, theo nội dung thỏa thuận tại khoản 1, Điều 2, Hợp đồng bảo lãnh số: 0194/2021/HĐBL như sau:

"1. Phạm vi bảo lãnh của Bên A đối với Bên B là toàn bộ các nghĩa vụ về tài chính mà Bên B phải thực hiện đối với Bên C, bao gồm nhưng không giới hạn các nghĩa vụ sau:

- Thanh toán chi phí bồi thường (phạt) vi phạm hợp đồng với số tiền là 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng) thay cho Bên B trong trường hợp Bên B vi phạm pháp luật, vi phạm hợp đồng và các cam kết mà Bên B đã ký với Bên C và ký

với chủ sử dụng lao động tại Hàn Quốc. Số tiền này không bao gồm số tiền bị phạt theo quy định của pháp luật Hàn Quốc".

Mặt khác, tại khoản 5.1, Điều 5, Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại nước ngoài, Số: 0194/2021/HĐTV-TRAENCO, ngày 21/12/2021, được giao kết giữa Công ty Cổ phần T3 và anh Lê Văn T1 có nội dung như sau:

"Điều 5. Điều khoản bồi thường (phạt) hợp đồng:

5.1. Bên B và/hoặc người bảo lãnh cho Bên B phải nộp phạt vi phạm cho Bên A số tiền là 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng), đồng thời Bên A/Chủ sử dụng lao động/Công ty quản lý Hàn Quốc không chịu trách nhiệm về sức khỏe, tính mạng, tài sản của Bên B nếu Bên B có một trong các hành vi vi phạm sau: "*Bỏ trốn khỏi nơi đang làm việc theo hợp đồng hoặc sau khi nhập cảnh vào Hàn Quốc mà không đến nơi làm việc theo hợp đồng;".*

Việc anh Lê Văn T1 tự ý trốn khỏi nơi làm việc và đang cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc là hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật Hàn Quốc; vi phạm các điều khoản hợp đồng và cam kết mà anh T1 và ông Lê T đã ký với Công ty T3; gây thiệt hại nghiêm trọng về uy tín, tài chính của công ty T3, làm ảnh hưởng xấu đến hình ảnh của người lao động Việt Nam đang làm việc tại nước ngoài nói chung và tại Hàn Quốc nói riêng.

Mặt khác, nội dung Bộ Luật Dân sự 2015 có các nội dung quy định như sau: Thứ nhất, tại khoản 1, Điều 335, quy định về "Bảo lãnh": *"1. Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.";* Thứ hai, tại khoản 2, Điều 336, quy định về phạm vi bảo lãnh: *"2. Nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, lãi trên số tiền chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác";* Thứ ba, tại khoản 1, Điều 339, quy định về Quan hệ giữa bên bảo lãnh và nhận bảo lãnh: *"1. Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ";* Thứ tư, tại Điều 342, quy định về Trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh:*"1. Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó; 2. Trường hợp bên bảo lãnh không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh thì bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán giá trị nghĩa vụ vi phạm và bồi thường thiệt hại".*

Như vậy, theo quy định pháp luật kể trên và các nội dung tại hợp đồng bảo lãnh đã giao kết với trường hợp bỏ trốn khỏi nơi làm việc của anh Lê Văn T1 và nghĩa vụ của người bảo lãnh đối với ông Lê T thì anh Lê Văn T1 đã vi phạm các nghĩa vụ của bên được bảo lãnh, do đó phát sinh trách nhiệm của bên bảo lãnh là ông Lê T đối với Công ty T3.

Căn cứ Hợp đồng bảo lãnh số 0194/2021/HĐBL ngày 21/12/2021 cùng với các tài liệu chứng cứ kèm theo, Công ty Cổ phần T3 yêu cầu Tòa án: Tuyên buộc ông Lê Tấn P thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của người bảo lãnh đối với Công ty cổ phần T3, theo Hợp đồng bảo lãnh số 0194/2021/HĐTV-TRAENCO, ngày 21/12/2021. Buộc ông Lê T phải trả cho Công ty cổ phần T3 số tiền bảo lãnh là: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Về phía bị đơn ông Lê T: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã gửi các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho ông Lê T nhưng ông Lê T không có mặt và không hợp tác, không có ý kiến gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Ngày 06/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã xác minh tại nơi cư trú của ông T, tuy nhiên ông T không có mặt ở nhà. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý, Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho chị Lê Thị T2 (vợ anh Lê Văn T1) là con dâu của ông T, chị T2 nhận nhưng không ký vào biên bản giao nhận có sự chứng kiến của ông Nguyễn Trọng H1 Công an viên Công an xã V Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng của Toà án theo quy định.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn T1: Do anh Lê Văn T1 bỏ trốn khỏi nơi làm việc tại Hàn Quốc nên phía nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ của anh Lê Văn T1 cho Toà án. Toà án đã tiến hành xác minh sự vắng mặt, có mặt của của anh Lê Văn T1 tại địa phương, qua xác minh vợ của anh T1 là chị Lê Thị T2 cho biết anh T1 kể từ khi xuất cảnh sang Hàn Quốc cho đến nay (tháng 03/2024) không liên lạc về với gia đình nên chị không biết anh T1 hiện nay đang ở đâu, làm gì. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã làm thủ tục đăng tin thông báo về vệc giải quyết vụ án trên kênh H3 (kênh phát thanh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài) VOV5 và đã phát ba lần liên tiếp kể từ ngày 30/11/2023 và thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng của Toà án theo quy định tại Đ tại Hàn Quốc vào ngày 19/9/2023.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến gì thêm đề nghị Tòa án giải quyết. Bị đơn và người có nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê T phải bồi thường cho Công ty T3 số tiền 400.000.000 đồng; Buộc ông Lê T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Công ty T3 khởi kiện yêu cầu ông Lê T là người bảo lãnh cho anh Lê Văn T1 bồi thường số tiền 400.000.000 đồng do người được bảo lãnh là anh Lê Văn T1 bỏ trốn. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn T1 sau khi xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc theo Hợp đồng lao động đã ký kết với Công ty T3 thì đến ngày 21/4/2022 bỏ trốn khỏi nơi làm việc, căn cứ văn bản chứng nhận công chứng của Công ty Luật và Phòng C được chứng thực tại Bộ N và được Đ tại Hàn Quốc chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 10/4/2023 với nội dung "Thông tin thuyền viên bỏ trốn là Lê Văn T1, sinh ngày 16/8/1993, số hộ chiếu C9582618, nơi làm việc cuối cùng của thuyền viên, thuyền Ah Jin H2 số 96..". Vì vậy đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh" có yếu tố nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý, Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật nhưng không nhận được ý kiến phản hồi từ bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên toà xét xử lần hai, bị đơn ông Lê T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn T1 vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn ông Lê T phải bồi thường thiệt hại theo hợp đồng bảo lãnh do người lao động bỏ trốn, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 21/12/2021, Công ty Cổ phần T3 (bên nhận bảo lãnh) và ông Lê T (bên bảo lãnh) và anh Lê Văn T1 (bên được bảo lãnh) đã giao kết Hợp đồng bảo lãnh số: 0194/2021/HĐBL về việc đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc, để bảo đảm trách nhiệm của người lao động thực hiện đúng hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã giao kết giữa Công ty T3 với anh Lê Văn T1, hợp đồng số 0194/2021/HĐTV-TRAENCO về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi bỏ trốn của người lao động trong thời gian làm việc tại Công ty cổ phần G. Hợp đồng bảo lãnh giữa Công ty T3 với ông Lê T và anh Lê Văn T1 là giao dịch dân sự được xác lập hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung đúng

quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia ký kết hợp đồng.

Sau khi đã ký kết các hợp đồng, anh Lê Văn T1 đã xuất cảnh sang Hàn Quốc và làm việc tại Công ty cổ phần G. Tuy nhiên ngày 21/04/2022, anh Lê Văn T1 đã bỏ trốn khỏi nơi làm việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng, vi phạm hợp đồng đã ký kết với Công ty T3. Công ty T3 đã tìm mọi biện pháp liên hệ với ông Lê T là người bảo lãnh cho anh T1, đồng thời đề nghị UBND xã V cũng như Công an xã V để đề nghị hỗ trợ động viên người lao động quay trở lại công ty tiếp tục làm việc nhưng không có kết quả. Như vậy việc anh Lê Văn T1 tự ý bỏ trốn khỏi nơi làm việc, vi phạm hợp đồng bảo lãnh ngày 21/12/2021 mà ông Lê T và anh Lê Văn T1 đã ký với Công ty T3 nên làm phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của ông Lê Tấn . Do đó, căn cứ Điều 335, Điều 339, Điều 340, Điều 342 Bộ luật Dân sự cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T3, buộc ông Lê Tấn P thực hiện trách nhiệm bảo lãnh bồi thường cho Công ty T3 số tiền 400.000.000 đồng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty T3 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Công ty T3 phải chịu 2.142.000 đồng chi phí ủy thác và đăng tin trên VOV5; Bị đơn ông Lê T phải chịu 20.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 149, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 335, Điều 339, Điều 340, Điều 342 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T3, buộc ông Lê Tấn P thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho Công ty cổ phần T3 số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) theo Hợp đồng bão lãnh số 0194/2021/HĐBL ngày 21/12/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp và đăng tin VOV5:

- Bị đơn ông Lê T phải chịu 20.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty cổ phần T3 phải chịu 2.142.000 đồng chi phí tố tụng đăng VOV5 và chi phí ủy thác ra nước ngoài (Công ty T3 đã nộp đủ tại Tòa án).

- Trả lại cho Công ty cổ phần T3 số tiền 10.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31/AA/2021/0005178, ngày 14/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty cổ phần T3 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn ông Lê T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Đương sự;
- Niêm yết tại UBND xã Võ Ninh;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thái Sơn